

## Nguyễn Văn Hóa

Vài cảm nghĩ sau khi đọc bài “vài ghi nhận bất chợt” của thầy Tuệ Sĩ về bản Việt dịch của “Triết học Thế Thân”.

Nhân chuyến về nước hơn hai năm trước, tôi có viếng thăm thầy Mạnh Thát, và được thầy ký tặng cho cuốn “The Philosophy of Vasubandhu”. Ấn tượng đầu tiên là thấy sách in ở Việt Nam mà rất đẹp, kỹ thuật binding sách khá tiến bộ, bìa cứng bền mà trang nhã. Trở về Mỹ, khi rảnh, tôi đem sách ra coi nhiều lần, nhưng lần nào cũng chỉ đọc được vài trang là bắt đầu thấy “ngán”. Bởi “Triết học Thế Thân” chứa đựng ngôn ngữ triết học tầm cao đã đành, còn dùng ngôn ngữ toán học để lý giải một số vấn đề với những khai phá mới về cấu trúc ngôn ngữ triết học. Đó là luận án tiến sĩ triết học ở đại học University of Wisconsin, Madison năm 1974 của thầy Mạnh Thát. Muốn đọc hiểu nó, theo tôi, phải bỏ ra nhiều thời gian cho sự hiểu biết thêm một cách thấu đáo về các từ tiếng Phạn, Hán theo khái niệm triết học Phật giáo, rồi mới trở lại với cuốn sách gốc; đó là chưa nói đến những chỗ dừng chân để tư duy về nào về những diễn giải “Triết học Thế Thân”.

Trong dịp gặp gỡ cuối năm vừa qua, tôi được bạn Nguyễn Hữu Liêm (đang hành nghề luật sư và còn là giáo sư triết tại đại học cộng đồng ở San Jose) cho một bản copy bài viết của thầy Tuệ Sĩ : “Nhân đọc Triết học Thế Thân –bản Việt dịch” của Đạo Sinh từ Tập san Nghiên cứu Phật học vào Thu 2549, tức là bài viết rất mới.

Sau khi đọc xong bài “đọc sách” mà thầy Tuệ Sĩ rất khiêm tốn nói là “vài ghi nhận bất chợt, chứ không phải là lời giới thiệu sách”, và phải đọc đến hai, ba lần, cảm giác “ngán” ban đầu khi đọc bản Anh ngữ, được thay thế bằng tinh thần hưng phấn. Từ đó, tôi suy diễn ra một vài điểm then chốt sau:

**Một**, trí thức tinh hoa của Phật giáo Việt Nam thường bắt kịp thời đại hay có thể đi trước thời đại:

Thật vậy, vào ngày 4/10/1957, Nga Sô viết bản vệ tinh Sputnik lên không gian đã gây sững sốt, bất ngờ cho Mỹ, nên trong vài năm sau đó, Mỹ vội vã chạy đua bằng một dự án nghiên cứu để bắt kịp Nga có tên là ARPA (Advanced Research Project Agency). Với dự án đó, qua công ty IBM, Mỹ đã chế tạo những máy điện toán cỡ lớn, rất mắc tiền, được gọi là “MainFrame”, thiết kế ở vài trung tâm khắp nước Mỹ. Các nhà khoa học muốn sử dụng “computer mainframe” để nghiên cứu, phải tìm cách tập trung về các trung tâm đó, gây nên nhiều bất tiện. Cho nên người ta đã nghĩ đến phương cách để cho các “mainframe” đó liên lạc với nhau qua đường dây điện thoại, hệ thống “mạng lưới” (networks) mới bắt đầu hình thành. Ngày 21/11/1969, trường Đại học UCLA với Viện Nghiên cứu của Đại học Stanford

(Stanford Research Institute) có thể liên lạc với nhau qua các máy điện toán. Khoảng đầu tháng 12/1969, mới đúng là ngày sinh nhật của Internet, gọi tắt là Arpanet (Advanced Research Project Agency Networks). Năm 1972, Internet mới chỉ tròn 3 tuổi, trong thời gian đó thầy Mạnh Thát chưa trình luận án “Triết học Thể Thân”, nhưng trên Tạp chí Tư Tưởng (của Viện Đại học Vạn Hạnh), thầy đã cho đăng một loạt bài nghiên cứu và đề nghị một lập trình (computer programming) khả dĩ để xử lý ngôn ngữ phiên dịch. Theo thầy Tuệ Sỹ, “điều đó đã gây ra sự ngạc nhiên không ít”. Không phải chỉ ngạc nhiên thôi, có người còn cho các bài khảo cứu ấy là “hoang tưởng”. Điều đó rất dễ hiểu, vì cả miền Nam chưa ai biết đến máy computer là gì, kể cả trong môi trường đại học, làm sao có thể hiểu thế nào là “lập trình” của máy computer. Mỹ có trang bị cho chính quyền miền Nam lúc đó một vài máy “Mainframe” như IBM 360 cho các cơ quan tham mưu và quốc phòng, và họ có cho một vài sĩ quan cao cấp chế độ cũ đến Mỹ để được huấn luyện về các máy computer đã trang bị đó, nhưng đó chỉ là những điều-khiển-viên máy điện toán, gọi là “computer operators”. Trong cuối thập niên 60’s ở Mỹ, mới chỉ có hai ‘lập trình’ thông dụng là Eliza Doolittle, viết bởi Joseph Weizenbaum ở MIT, và kể đó là ‘lập trình’ Parry viết bởi Kenneth Colby ở Đại học Stanford.

Đầu thập niên 70’s, trong giới sinh viên du học ở miền Nam, có hiện tượng đồn đãi với nhau ra nước ngoài nên học môn ăn khách, dễ kiếm tiền là “điện tử” (Electronics), chứ chưa ai có một ý niệm chọn môn học về “lập trình” (Computer Programming) cả, do đó đề xuất của thầy Mạnh Thát là một đề xuất đi trước thời đại vậy.

Hai, Triết học Thể Thân, theo tư duy và cách hiểu mới, thầy Mạnh Thát đã thiết đặt một phương pháp luận mới về Triết học Thể Thân, mà trong quá khứ có rất nhiều người hiểu “Thể Thân” theo xu hướng Duy tâm luận tuyệt đối (Absolute Idealism), qua đó “ngoài thức, không có gì hết”, hay nói cách khác tất cả đều là hư vô. Nhưng, tại sao có tình trạng nhằm lẫn nguy hại này, theo thầy Tuệ Sỹ là vì, “ngôn ngữ Hán có một giới hạn nào đó để khó mà chuyển tải hết nội dung tư tưởng của Phật học có nguồn gốc Ấn Độ”, và bởi đại đa số các người đã học Phật tử Hán và tư duy tử Hán học cho cả hai phái của Đại Thừa (Trung Quán và Duy Thức). Nhưng không phải chỉ vì “khuyết điểm” của Hán tự, ngay cả tư duy ngôn ngữ lệch lạc, có thể đưa tới sự hiểu sai, điều mà thầy Tuệ Sỹ gọi là cái “bẫy sập” của ngôn ngữ. Thí dụ, từ ‘*vipāka*’, các dịch giả trước và sau Huyền Trang đã dịch là “quả báo” trong một môi trường xã hội và thời đại dễ dàng chấp nhận, kể cả những người Tây phương học Phật đã dịch là “retribution” (hoàn báo), chỉ vì họ bị sa vào định thức duy tâm tuyệt đối..

Để giải quyết vấn nạn đó, thầy Mạnh Thát đã đề nghị cách dịch và hiểu khác, bằng một logic mà tôi gọi là ‘não trạng điện toán’ và một “lý thuyết mô tả” (the

theory of descriptions), theo đó, tác giả đề nghị một cách dịch mới từ '*vipāka*' bằng một "cấu trúc ngôn ngữ, mang tính ngôn ngữ" ('verbal construction') là "xử lý" (processing) –hay có thể hiểu là tiến trình xử lý, thay vì "quả báo" hay "dị thực" (theo Câu Xá luận). Nhưng tại sao: "quả báo" trở thành "xử lý" ? – theo thầy Tuệ Sỹ, thế giới mà ta thấy đang tồn tại đó chỉ là một cấu trúc đã được xử lý, chính là dữ liệu thông tin (informational data), là "cái làm cho ta biết". Hiểu theo ngôn ngữ triết học : đối tượng được đưa vào thức. Hiểu theo 'não trạng điện toán', đó là dữ liệu được đưa vào bộ vi xử lý / hay còn gọi là bộ xử lý trung ương (Central Processing Unit). Mở rộng sự diễn giải này, ta có thể hiểu bằng biểu đồ lập trình điện toán (computer programming flowchart), tiến trình xử lý này còn gọi là chu kỳ xử lý (logic/ processing loop), hay nói cách khác khi một quá trình xử lý hoàn tất, kết quả của nó trở thành dữ liệu bắt đầu quá trình xử lý khác. Thầy Tuệ Sỹ gọi trong Hán dịch là "tiền dị thực ký tận, phục sinh dư dị thực"/ nghĩa là : dị thực trước đã hết, dị thực khác lại phát sinh / "dị thực là thân và tâm của chúng ta đây như là kết quả báo ứng của nghiệp đã làm trong quá khứ. Khi sự báo ứng đã hoàn tất, món nợ đã thanh toán, dị thực thân này được rủ xả để dị thực (tức thân) khác xuất hiện, tái sinh trong một đời sống khác."

Vậy, thức (consciousness) và hoạt động của thức không phải là điều hoang tưởng, lệch lạc, mà chính là "một cơ cấu xử lý thông tin với mọi thành phần phụ thuộc quan yếu được biết đến của nó, bao gồm mọi vận hành có thể được biết đến và có đủ khả năng thực hiện."

Dĩ nhiên đó là chỉ nêu ra một vài điểm nhỏ, dù rất cơ bản của "Triết học Thế Thân", mà qua "cái nhìn bất chợt" của thầy Tuệ Sỹ, đã làm cho sự học búa của nó trở thành sự lôi cuốn, hấp dẫn. Từ đây, qua "Triết học Thế Thân", Phật giáo mang thêm một tầm nhìn mới : tích cực, năng động và hiện sinh, mà qua hệ thống triết học, tư duy của Ấn Độ không chỉ cung cấp một chất "thuốc súng", còn làm bệ phóng để đưa sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và kinh tế Việt Nam bay lên cao. Những ai đã mang tâm trạng như tôi sau khi cầm cuốn "The Philosophy of Vasubandhu", có thể tin tưởng bước qua cầu tới bờ đáo ngoạn, bằng bản Việt dịch đây "cân nhắc thận trọng, trong thuật ngữ cũng như trong cú pháp" như thầy Tuệ Sỹ đã mô tả.

Cảm ơn lời mách nước của ông Nguyễn Hữu Liêm. Trân trọng giới thiệu THPTTT.  
với bạn đọc của Giao Điểm.

*Thursday, January 26, 2006*

Nguyễn Văn Hóa  
© Copyright 2006 giaodiem.us

posted: 26.01.2006

